Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9106.90.90

Mã HS	9106.90.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị ghi thời gian và các thiết bị dùng để đo, ghi hoặc biểu thị các khoảng thời gian bằng cách khác, kèm theo máy đồng hồ thời gian và đồng hồ cá nhân hoặc kèm theo động cơ đồng bộ (ví dụ, thiết bị chấm công (time-registers), thiết bị ghi thời gian) / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:01:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/91069090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18328
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18328
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18328
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17651
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17580
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17580
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17580
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17580
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17580
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17580
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17636
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17636
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17636
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17636
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17636
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17637
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17637
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17637
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17637
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17637
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17637
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17642
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17598
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17594
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17594
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17594
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17594
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17594
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17594
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17640
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17640
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17640
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17640
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17640
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17640
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17702
VCFTA	2023	2023	5	VC!E17702
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17702
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17702

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17702
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17702
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17680
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17680
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17680
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17680
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17680
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17680
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17673
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17673
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17673
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17673
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17673
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17673
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17703
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17703
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17703
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17703
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17703
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17703
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17702
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17702
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17702
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17702
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17702
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17702

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17796
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17796
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17796
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17796
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17796
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17796
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17796
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17665
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17665
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17665
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17665
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17665
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17665
RCEP B	2022	2022	0	B!D17665
RCEP B	2023	2023	0	B!E17665
RCEP B	2024	2024	0	B!F17665
RCEP B	2025	2025	0	B!G17665
RCEP B	2026	2026	0	B!H17665
RCEP B	2027	2027	0	B!I17665
RCEP C	2022	2022	0	C!D17663
RCEP C	2023	2023	0	C!E17663
RCEP C	2024	2024	0	C!F17663
RCEP C	2025	2025	0	C!G17663
RCEP C	2026	2026	0	C!H17663
RCEP C	2027	2027	0	C!I17663
RCEP D	2022	2022	0	D!D17662

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17662
RCEP D	2024	2024	0	D!F17662
RCEP D	2025	2025	0	D!G17662
RCEP D	2026	2026	0	D!H17662
RCEP D	2027	2027	0	D!I17662
RCEP E	2022	2022	0	E!D17666
RCEP E	2023	2023	0	E!E17666
RCEP E	2024	2024	0	E!F17666
RCEP E	2025	2025	0	E!G17666
RCEP E	2026	2026	0	E!H17666
RCEP E	2027	2027	0	E!I17666
RCEP F	2022	2022	0	F!D17665
RCEP F	2023	2023	0	F!E17665
RCEP F	2024	2024	0	F!F17665
RCEP F	2025	2025	0	F!G17665
RCEP F	2026	2026	0	F!H17665
RCEP F	2027	2027	0	F!I17665
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F16561
VIFTA	2025	2025	4	VI!G16561
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H16561
VIFTA	2027	2027	3	VI!I16561

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9106.90 có 2 dòng thuế; dòng 9106.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9106.90.10 Dụng cụ đo thời gian đậu xe	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9106.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 9106.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18328), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.